

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
KHOA DU LỊCH VÀ CÔNG TÁC XÃ HỘI



BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT MỤC TIÊU
VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: CÔNG TÁC XÃ HỘI
MÃ NGÀNH: 7760101

Nghệ An, 04/2022

MỤC LỤC

1	TỔNG QUAN VỀ KHẢO SÁT MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA.....	2
1.1	Mục đích khảo sát.....	2
1.2	Phương pháp khảo sát.....	2
1.3	Nội dung khảo sát.....	2
1.3.1	Mục tiêu chương trình đào tạo.....	2
1.4	Đối tượng khảo sát.....	3
1.5	Các cấp độ đánh giá.....	4
2	KẾT QUẢ KHẢO SÁT MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA.....	4
2.1	Thông tin về đối tượng được khảo sát.....	4
2.1.1	Thông tin vị trí công tác của đối tượng khảo sát.....	4
2.1.2	Giới tính của đối tượng khảo sát.....	5
2.2	Phân tích kết quả khảo sát.....	5
2.2.1	Đánh giá mục tiêu của chương trình đào tạo.....	5
2.2.1.1	Đánh giá chung mục tiêu của chương trình đào tạo.....	5
2.2.1.2	Ý kiến góp ý khác về mục tiêu của chương trình đào tạo.....	7
2.2.2	Đánh giá chuẩn đầu ra về kiến thức của chương trình đào tạo.....	7
2.2.2.1	Đánh giá về mức độ cần thiết.....	8
2.2.2.2	Đánh giá về mức độ đạt được.....	Error! Bookmark not defined.
2.2.2.3	Đánh giá chung chuẩn đầu ra về kiến thức.....	Error! Bookmark not defined.
2.2.2.4	Ý kiến góp ý khác cho chuẩn đầu ra về kiến thức của chương trình đào tạo.....	Error!
	Bookmark not defined.	
2.2.3	Đánh giá chuẩn đầu ra về kỹ năng của chương trình đào tạo.....	Error! Bookmark not defined.
2.2.3.1	Đánh giá về mức độ cần thiết.....	Error! Bookmark not defined.
2.2.3.2	Đánh giá về mức độ thành thạo đạt được.....	Error! Bookmark not defined.
2.2.3.3	Đánh giá chung chuẩn đầu ra về kỹ năng.....	Error! Bookmark not defined.
2.2.3.4	Ý kiến góp ý khác cho chuẩn đầu ra về kỹ năng của chương trình đào tạo.....	Error!
	Bookmark not defined.	
2.2.4	Đánh giá về hình thức tổ chức, phương pháp dạy học nhằm đạt được chuẩn đầu ra.....	Error!
	Bookmark not defined.	
2.2.4.1	Đánh giá về mức độ cần thiết thay đổi hình thức tổ chức, phương pháp dạy học.....	Error!
	Bookmark not defined.	
2.2.4.2	Ý kiến góp ý khác về hình thức tổ chức, phương pháp dạy học.....	Error! Bookmark not defined.
	defined.	
2.2.5	Mức độ có thể tham gia của nhóm 1 và nhóm 4 vào quá trình đào tạo...	Error! Bookmark not defined.
	defined.	
3	KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT.....	Error! Bookmark not defined.

PHỤ LỤC.....Error! Bookmark not defined.

1 TỔNG QUAN VỀ KHẢO SÁT MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA

1.1 Mục đích khảo sát

Nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học đáp ứng tốt nhất nhu cầu xã hội của sinh viên sau khi tốt nghiệp Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Công tác xã hội thông qua Mục tiêu, Chuẩn đầu ra.

1.2 Phương pháp khảo sát

- Khảo sát trực tuyến thông qua website: <http://khaosat.vinhuni.edu.vn/>
- Khảo sát trực tiếp thông qua Hội nghị tham vấn các bên liên quan

1.3 Nội dung khảo sát

1.3.1 Mục tiêu chương trình đào tạo

Mục tiêu tổng quát:

Sinh viên tốt nghiệp ngành công tác xã hội có kiến thức; có kỹ năng can thiệp, giải quyết các vấn đề xã hội ở cấp độ cá nhân, nhóm, cộng đồng; có năng lực tư vấn, xây dựng các chính sách xã hội và có đầy đủ phẩm chất nghề nghiệp, đạo đức cá nhân, đạo đức xã hội để thực hành nghề nghiệp trong các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, chính trị, nghề nghiệp và tổ chức có yếu tố nước ngoài góp phần xây dựng Việt Nam giàu mạnh, công bằng, dân chủ, hội nhập và văn minh

Các mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành CTXH có khả năng:

Mục tiêu 1: Có kiến thức cơ bản về Khoa học Xã hội và Nhân văn, lý luận chính trị và pháp luật; tin học và ngoại ngữ, có kiến thức chuyên sâu về công tác xã hội

Mục tiêu 2: Có phẩm chất cá nhân, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp để thực hành CTXH

Mục tiêu 3: Có khả năng giao tiếp và làm việc nhóm

Mục tiêu 4: Có khả năng hình thành ý tưởng, thực hiện và phát triển các hoạt động công tác xã hội trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

1.3.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công tác xã hội có:

1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH
1.1	<i>Hiểu</i> kiến thức chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, nhà nước và pháp luật
1.2	<i>Sử dụng</i> kiến thức tin học, ngoại ngữ
1.3	<i>Áp dụng</i> kiến thức căn bản về khoa học công tác xã hội

1.4	Vận dụng kiến thức chuyên ngành công tác xã hội
2	KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP
2.1	Thể hiện thái độ tư duy và học tập
2.2	Thể hiện tư duy hệ thống
2.3	Hình thành kỹ năng, phẩm chất cá nhân
2.4	Hình thành kỹ năng, phẩm chất nghề nghiệp
3	KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP
3.1	Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm
3.2	Thể hiện kỹ năng giao tiếp
3.3	Thể hiện Giao tiếp bằng ngoại ngữ
4	NĂNG LỰC NHẬN DIỆN, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI
4.1	Hiểu bối cảnh xã hội và môi trường xã hội
4.2	Hiểu bối cảnh nghề nghiệp và tổ chức
4.3	Hình thành ý tưởng hoạt động Công tác xã hội
4.4	Thiết kế hoạt động trợ giúp đối tượng
4.5	Thực hiện hoạt động trợ giúp
4.6	Lượng giá hoạt động trợ giúp

1.4 Đối tượng khảo sát

Qua phân tích tình hình thực tế và mục đích khảo sát, bộ phận khảo sát xác định đối tượng khảo sát, số lượng khảo sát dự kiến và đã thực hiện như sau:

ĐỐI TƯỢNG KHẢO SÁT												TỔNG	
Nhóm 1		Nhóm 2		Nhóm 3		Nhóm 4		Nhóm 5		Nhóm 6		Yêu cầu	Đã KS
Yêu cầu	Đã KS	Yêu cầu	Đã KS	Yêu cầu	Đã KS	Yêu cầu	Đã KS	Yêu cầu	Đã KS	Yêu cầu	Đã KS		
	21		8		12		23		48		73		185

Nhóm 1: Lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/doanh nghiệp/cơ sở sản xuất

Nhóm 2: Trưởng phòng/ban Tổ chức nhân sự của đơn vị sử dụng LĐ

Nhóm 3: Trưởng phòng/ban chuyên môn, kỹ thuật

Nhóm 4: Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia

Nhóm 5: Cựu sinh viên

Nhóm 6: Sinh viên

1.5 Các cấp độ đánh giá

Mức độ đồng ý	Mức độ cần thiết	Mức độ nên đạt được về kiến thức	Mức độ nên đạt được về kỹ năng
①: Rất không đồng ý;	① Không cần thiết	(a) Hiểu	(a) Có thể tham gia, đóng góp
②: Không đồng ý;	② Ít cần thiết	(b) Áp dụng	(b) Có thể hiểu, giải thích
③: Không có ý kiến;	③ Không biết	(c) Phân tích	(c) Có kỹ năng thực hành, thực hiện
④: Đồng ý;	④ Cần thiết	(d) Đánh giá	(d) Có thể lãnh đạo hoặc đổi mới
⑤: Rất đồng ý.	⑤ Rất cần thiết	(e) Sáng tạo	

2 KẾT QUẢ KHẢO SÁT MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA

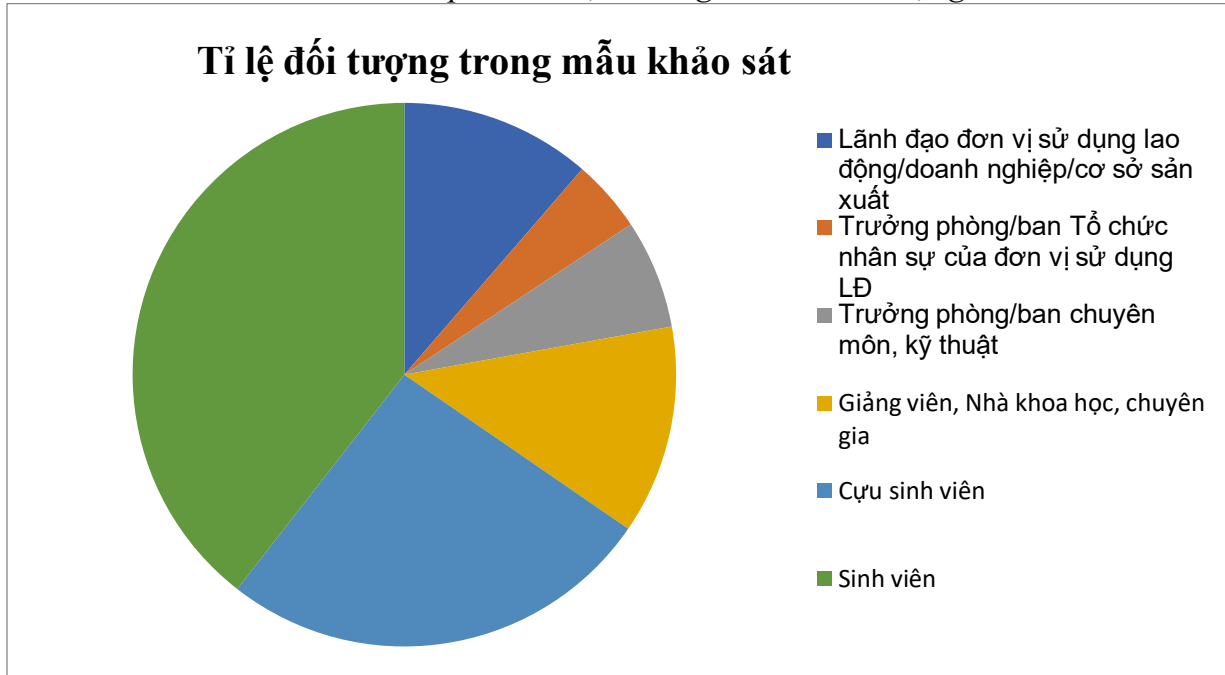
2.1 Thông tin về đối tượng được khảo sát

2.1.1 Thông tin vị trí công tác của đối tượng khảo sát

Bảng 1. Số liệu về vị trí công tác của đối tượng khảo sát

Đối tượng	Số lượng	Tỷ lệ
Lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/doanh nghiệp/cơ sở sản xuất	21	11.35 %
Trưởng phòng/ban Tổ chức nhân sự của đơn vị sử dụng LĐ	8	4.32 %
Trưởng phòng/ban chuyên môn, kỹ thuật	12	6.49%
Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	23	12.43%
Cựu sinh viên	48	25.95 %
Sinh viên	73	39.46 %
Tổng	185	100%

Hình 1. Biểu đồ phân bố vị trí công tác của đối tượng khảo sát



2.1.2 Giới tính của đối tượng khảo sát

Bảng 2. Số liệu về giới tính của đối tượng khảo sát

Giới tính	Số lượng	Tỷ lệ
Nam	111	60 %
Nữ	74	40 %
Tổng	185	100%

Hình 2. Biểu đồ phân bố giới tính của đối tượng khảo sát



2.2 Phân tích kết quả khảo sát

2.2.1 Đánh giá mục tiêu của chương trình đào tạo

2.2.1.1 Đánh giá chung mục tiêu của chương trình đào tạo

MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu tổng quát: Sinh viên tốt nghiệp đại học ngành Công tác xã hội có kiến thức, có kỹ năng can thiệp giải quyết các vấn đề xã hội ở cấp độ cá nhân, nhóm, cộng đồng; có năng lực tư vấn, xây dựng các chính sách xã hội và có đầy đủ phẩm chất nghề nghiệp, đạo đức cá nhân, đạo đức xã hội để thực hành nghề nghiệp trong các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, chính trị, nghề nghiệp và tổ chức có yếu tố nước ngoài góp phần xây dựng Việt Nam giàu mạnh, công bằng, dân chủ, hội nhập và văn minh.

Các mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành CTXH có khả năng:

Mục tiêu 1: Có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật, khoa học Xã hội và Nhân văn, tin học, ngoại ngữ; có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Công tác xã hội.

Mục tiêu 2: Có phẩm chất cá nhân, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp để thực hành CTXH

Mục tiêu 3: Có khả năng giao tiếp và làm việc nhóm

Mục tiêu 4: Có khả năng hình thành ý tưởng, thực hiện và phát triển các hoạt động công tác xã hội trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Bảng 4. Số liệu về đánh giá chung mục tiêu của chương trình đào tạo

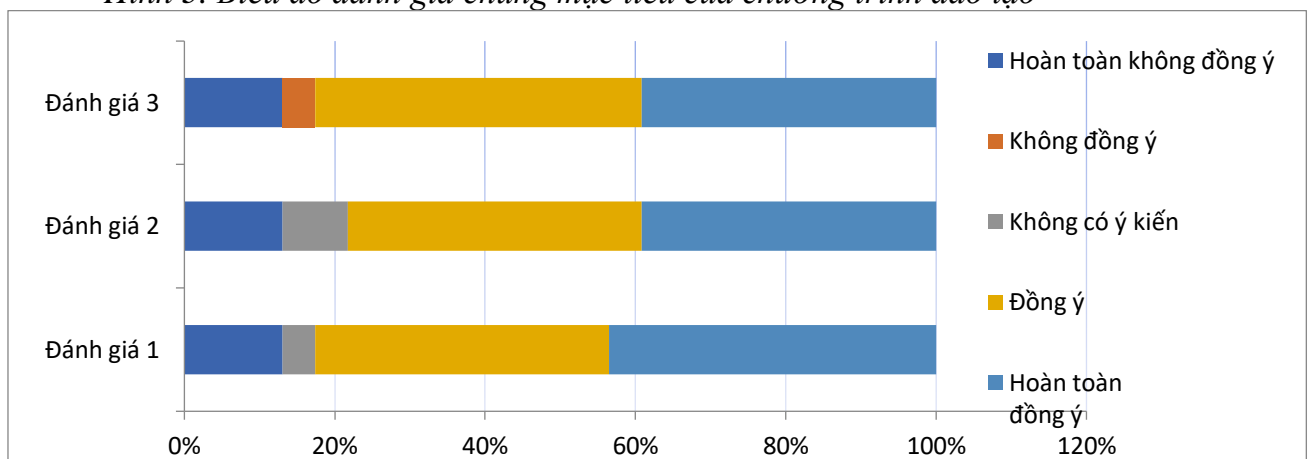
Ý kiến	Mục tiêu của CTĐT được diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu		Mục tiêu của CTĐT phản ánh được năng lực nghề nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp		Mục tiêu của CTĐT phản ánh được sự nghiệp tương lai của sinh viên sau khi tốt nghiệp	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Rất không đồng ý	3	13.04	3	13.04	3	13.04
Không đồng ý	0	0	0	0	1	4.35
Không có ý kiến	1	4.35	2	8.70	0	0
Đồng ý	9	39.13	9	39.13	10	43.48
Rất đồng ý	10	43.48	9	39.13	9	39.13
Tổng	23	100	23	100	23	100

Nguồn: Số liệu tính toán từ kết quả khảo sát

Bảng 3 là kết quả khảo sát của các giảng viên, nhà khoa học và chuyên gia về mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội bao gồm mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ

thể. Các số liệu về tỉ lệ của từng ý kiến từ mức độ rất không đồng ý tới mức độ rất đồng ý được phân tích sâu hơn ở hình 3. Có thể nhận xét rằng tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý với 2 đánh giá là chiếm tỷ lệ cao hơn so với các nhận xét còn lại. Với đánh giá thứ nhất là mục tiêu của CTĐT được diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu thì 2 tỷ lệ lần lượt là 39.13% và 43.48%. Với đánh giá thứ 2 là mục tiêu của CTĐT phản ánh được năng lực nghề nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp thì 2 tỷ lệ này đều là 39.13 cho cả hai đánh giá là đồng ý và rất đồng ý. Cuối cùng đánh giá thứ 3 là mục tiêu của CTĐT phản ánh được sự nghiệp tương lai của sinh viên sau khi tốt nghiệp thì 2 tỷ lệ này là 43.48% và 39.13%. Tuy nhiên, cần lưu ý là cả 3 đánh giá đều nhận được 3 ý kiến rất không đồng ý. Lý giải cho điều này, người trả lời khảo sát đã đưa ra các trăn trở như sau: 1. Cần bổ sung thêm về mục tiêu về vận động chính sách, 2. “Có yếu tố nước ngoài” nên đổi thành “các tổ chức quốc tế”. 3. Tập trung nhiều hơn đầu ra cho sinh viên. Riêng đánh giá thứ 1 và 2 cần chú ý mặc dù lượng người được khảo sát từ mức độ đồng ý trở lên quá bán tuy nhiên cũng có tới 4.35% (đánh giá 1) và 8.70 (đánh giá 2) lại thậm trọng không có ý kiến khi đánh giá mục tiêu của CTĐT được diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu và khi liên hệ giữa mục tiêu của CTĐT với sự nghiệp tương lai của sinh viên.

Hình 3. Biểu đồ đánh giá chung mục tiêu của chương trình đào tạo



2.2.1.2 Ý kiến góp ý khác về mục tiêu của chương trình đào tạo

Các giảng viên và chuyên gia tham gia khảo sát cũng có những ý kiến đóng góp rất đáng tham khảo và cần nhắc liên quan đến trong mục tiêu của CTĐT cần trang bị cho sinh viên kỹ năng thích ứng trong môi trường việc làm thay đổi, kỹ năng tư duy học tập suốt đời.

2.2.2 Đánh giá chuẩn đầu ra về kiến thức của chương trình đào tạo

Trong phần đánh giá này ngoại trừ nhóm 1 là các lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/doanh nghiệp/cơ sở sản xuất và nhóm 2 là các trưởng phòng/ban tổ chức nhân sự của đơn vị sử dụng LĐ ra thì cả 4 nhóm còn lại đều được khảo sát, bao gồm nhóm 3 là các trưởng phòng/ban chuyên môn, kỹ thuật, nhóm 4 là các giảng viên, nhà khoa học, chuyên gia, nhóm 5 là các cựu sinh viên và nhóm 6 là các sinh viên.

Chuẩn đầu ra về kiến thức trong chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội cụ thể như sau:

Chuẩn đầu ra về kiến thức trong CTĐT

CDR 1.1: Hiểu kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, khoa học xã hội và nhân văn

CDR 1.2: Sử dụng kiến thức tin học, ngoại ngữ

CDR 1.3: Áp dụng kiến thức căn bản về khoa học công tác xã hội

CDR 1.4: Vận dụng kiến thức chuyên ngành Công tác xã hội khi can thiệp, hỗ trợ và làm việc với cá nhân, gia đình, nhóm, cộng đồng

Phần đánh giá chuẩn đầu ra về kiến thức của CTĐT được chia thành 3 phần: (i) Đánh giá về mức độ cần thiết; (ii) Đánh giá về mức độ năng lực sinh viên hiện đạt được; (iii) Đánh giá về mức độ năng lực sinh viên nên đạt được. Đánh giá về mức độ cần thiết gồm 5 mức độ là không cần thiết, ít cần thiết, không biết, cần thiết và rất cần thiết. Đánh giá về mức độ năng lực sinh viên đạt được gồm 5 mức độ là hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo.

2.2.2.1 Đánh giá về mức độ cần thiết

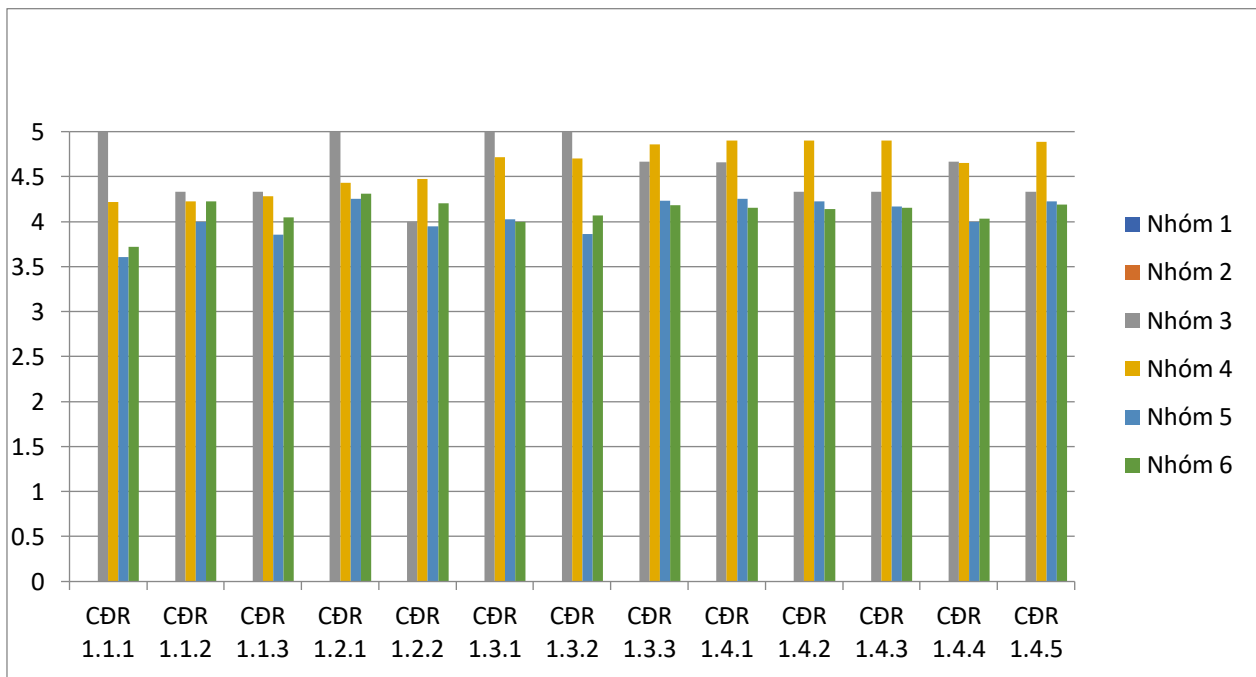
Bảng 4 và hình 4 cho biết số liệu và biểu đồ đánh giá mức độ cần thiết theo các nhóm đối tượng. Nhìn chung, kết quả cho thấy sự nhất trí cao về tính cần thiết của cả 3 nhóm chuẩn đầu ra trong CTĐT ngành Công tác xã hội. Với thang điểm từ 1 đến 5 tương ứng với 5 mức độ cần thiết thì đánh giá của tất cả các chuẩn đầu ra và của các nhóm đánh giá trong đó nhiều ý kiến cho rằng chuẩn đầu ra liên quan đến kiến thức ngành là cần thiết nhất.

Bảng 5. Số liệu đánh giá mức độ cần thiết theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-5)

	CDR 1.1.1	CDR 1.1.2	CDR 1.1.3	CDR 1.2.1	CDR 1.2.2	CDR 1.3.1	CDR 1.3.2	CDR 1.3.3	CDR 1.4.1	CDR 1.4.2	CDR 1.4.3	CDR 1.4.4	CDR 1.4.5
Nhóm 1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Nhóm 2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Nhóm 3	5.0	4.333	4.333	5.0	4.0	5.0	5.0	4.666	4.66	4.333	4.333	4.666	4.333
Nhóm 4	4.217	4.227	4.285	4.428	4.476	4.714	4.7	4.857	4.9	4.9	4.9	4.65	4.888
Nhóm 5	3.608	4.0	3.857	4.256	3.947	4.028	3.861	4.235	4.257	4.228	4.171	4.0	4.228
Nhóm 6	3.720	4.225	4.048	4.311	4.206	4.0	4.070	4.181	4.155	4.142	4.157	4.035	4.192

Nguồn: Số liệu tính toán từ kết quả khảo sát

Hình 4. Biểu đồ đánh giá mức độ cần thiết theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-5)



2.2.2.2 Đánh giá về mức độ đạt được

Trong phần này đánh giá về mức độ hiện đạt được và mức độ nên đạt được về kiến thức cần có của sinh viên tốt nghiệp ngành Công tác xã hội thể hiện qua 3 nhóm chuẩn đầu ra.

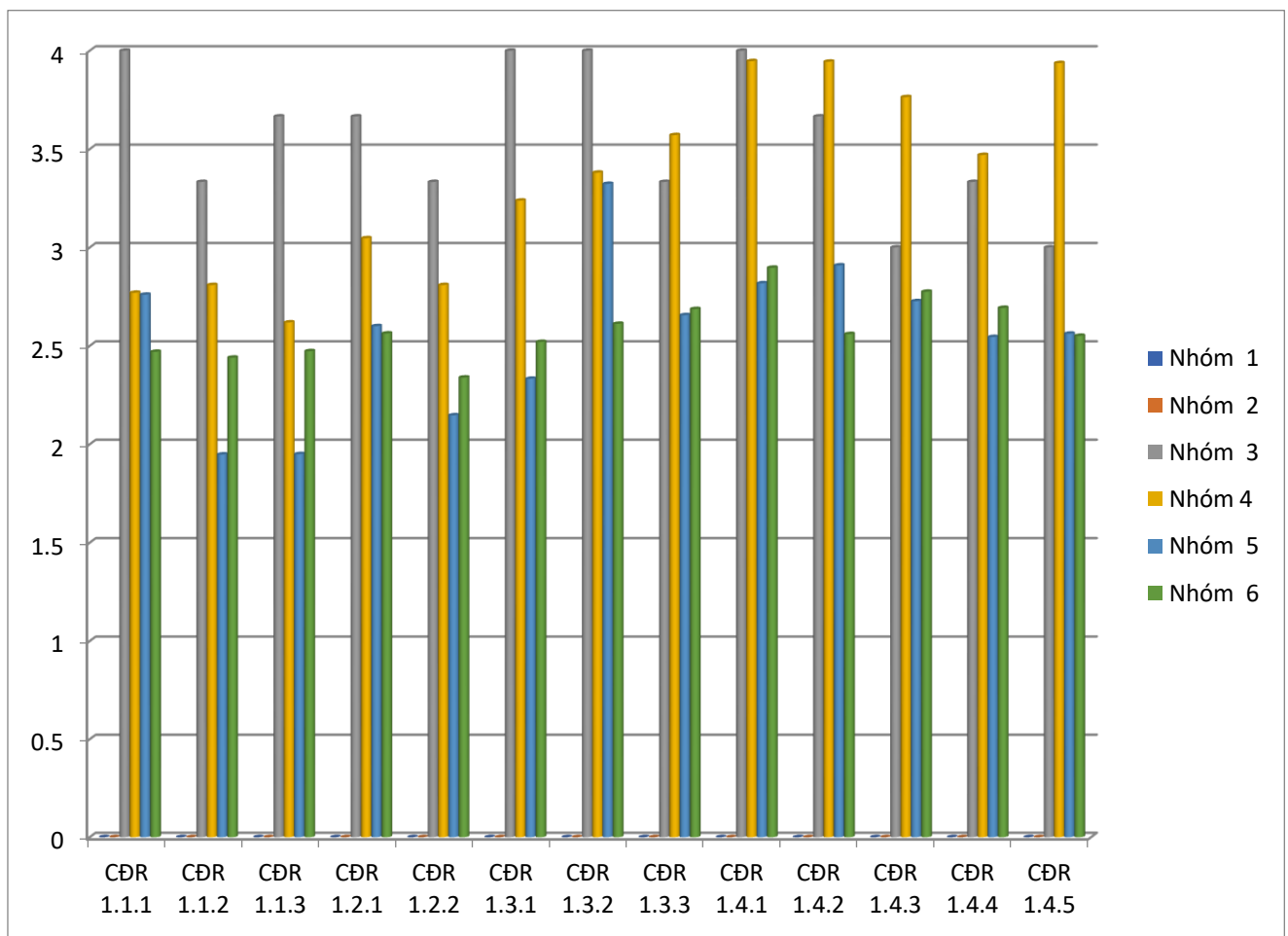
Kết quả về mức độ năng lực hiện đạt được thể hiện rõ ở bảng 5 và hình 5. Với 5 mức độ đánh giá từ hiệu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo tương ứng với thang điểm Likert từ 1 đến 5, có thể thấy rằng mức độ kiến thức hiện đạt được chủ yếu là 3 mức độ đầu bao gồm hiệu, áp dụng và phân tích. Đối với các cựu sinh viên là những người đã tốt nghiệp, đi làm và sử dụng kiến thức trong thực tiễn thì tự nhận xét là gần với mức độ 2 đến mức độ 3 tức là mức độ áp dụng, phân tích. Kết quả khảo sát của các giảng viên, nhà nghiên cứu và sinh viên đang theo học cũng tương tự. Tuy nhiên đối với đối với người khảo sát thuộc nhóm 3 là các trưởng phòng ban chuyên môn có thể là do yêu cầu cao trong công việc đối với các cán bộ nhân viên nên đánh giá mức độ kiến thức hiện có còn giới hạn chủ yếu là ở mức độ hiệu và áp dụng. Các mức độ cao hơn đặc biệt như đánh giá và sáng tạo còn chưa có. Đây là điểm đáng cân nhắc khi xây dựng nội dung kiến thức chương trình đào tạo bởi vì nhóm 3 chính là những người sử dụng lao động trực tiếp. Các nhóm khảo sát đã dành sự đánh giá rất cao cho CDR 1.4.1, 1.4.2, 1.4.3 chuẩn đầu ra thể hiện sự vận dụng kiến thức công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm và phát triển cộng đồng. Điều này cho thấy các đối tượng khảo sát rất quan tâm đến kiến thức chuyên ngành mà sinh viên sẽ đạt được để có thể thực hành trong các tình huống cụ thể.

Bảng 5. Số liệu đánh giá mức độ năng lực hiện đạt được theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-5)

	CĐR 1.1.1	CĐR 1.1.2	CĐR 1.1.3	CĐR 1.2.1	CĐR 1.2.2	CĐR 1.3.1	CĐR 1.3.2	CĐR 1.3.3	CĐR 1.4.1	CĐR 1.4.2	CĐR 1.4.3	CĐR 1.4.4	CĐR 1.4.5
Nhóm 1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Nhóm 2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Nhóm 3	4.0	3.333	3.666	3.666	3.333	4.0	4.0	3.333	4.0	3.666	3.0	3.333	3
Nhóm 4	2.77	2.809	2.619	3.047	2.809	3.238	3.380	3.571	3.947	3.944	3.764	3.470	3.937
Nhóm 5	2.76	1.948	1.95	2.6	2.147	2.333	3.323	2.656	2.818	2.909	2.727	2.545	2.562
Nhóm 6	2.47	2.440	2.473	2.563	2.339	2.52	2.612	2.687	2.897	2.56	2.775	2.693	2.551

Nguồn: Số liệu tính toán từ kết quả khảo sát

Hình 5. Biểu đồ đánh giá mức độ hiện đạt được theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-5)



2.2.2.3 Đánh giá chung chuẩn đầu ra về kiến thức

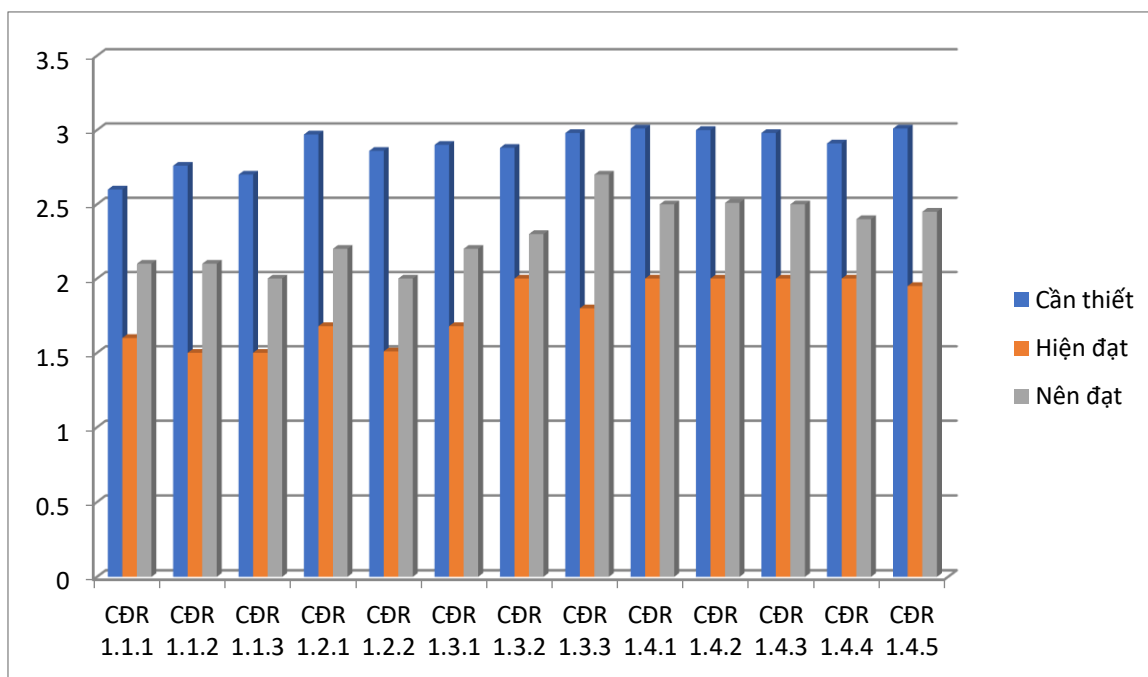
Bảng 7 và hình 7 thể hiện số liệu và biểu đồ đánh giá chung chuẩn đầu ra về kiến thức thông qua lấy trung bình đánh giá của cả 4 nhóm đối tượng được khảo sát. Trong 3 nhóm đánh giá là (i) mức độ cần thiết; (ii) mức độ năng lực hiện đạt được; và (iii) mức độ năng lực nên đạt được thì có thể nhận xét rằng mức độ cần thiết của các chuẩn đầu ra được cho rằng ở mức độ cao. Trong đó mức độ cần thiết cao nhất dành cho CĐR 1.4.5 là 3.01. Khi so sánh giữa mức độ năng lực hiện đạt được và mức độ năng lực nên đạt được thì rõ ràng mức độ năng lực hiện đạt được còn chưa đáp ứng được hoàn toàn và đầy đủ nhu cầu thực tế.

Bảng 7. Số liệu đánh giá chung chuẩn đầu ra về kiến thức (tính trung bình theo thang 1-5)

	CDR 1.1.1	CDR 1.1.2	CDR 1.1.3	CDR 1.2.1	CDR 1.2.2	CDR 1.3.1	CDR 1.3.2	CDR 1.3.3	CDR 1.4.1	CDR 1.4.2	CDR 1.4.3	CDR 1.4.4	CDR 1.4.5
Cần thiết	2.6	2.76	2.7	2.97	2.86	2.9	2.88	2.98	3.01	3.0	2.98	2.91	3.01
Hiện đạt	1.6	1.5	1.5	1.68	1.51	1.68	2.0	1.8	2.0	2.0	2.0	2.0	1.95
Nên đạt	2.1	2.1	2.0	2.2	2.0	2.2	2.3	2.7	2.5	2.51	2.5	2.4	2.45

Nguồn: Số liệu tính toán từ kết quả khảo sát

Hình 7. Biểu đồ đánh giá chung chuẩn đầu ra về kiến thức (tính trung bình theo thang 1-5)



2.2.2.4 Ý kiến góp ý khác cho chuẩn đầu ra về kiến thức của chương trình đào tạo

Đa số các ý kiến nhấn mạnh đến việc trang bị cho sinh viên các kiến thức thực tiễn, trải nghiệm thực tế thay vì các lí thuyết còn chưa có tính ứng dụng cao. Nên thiết kế bài giảng theo tỷ lệ: 30-70 (lý thuyết- thực hành). Các giải pháp có thể sử dụng là tổ chức các hoạt động thực hành, khóa học trải nghiệm thực tế cho sinh viên song song với giảm thiểu những môn và phần lí thuyết chung chung. Bên cạnh đó người dạy cũng cần đổi mới phương pháp dạy học, lấy người học làm trung tâm, sử dụng phương pháp động não, phương pháp học dựa trên vấn đề, phương pháp hoạt động nhóm để tăng chất lượng buổi học. Ngoài ra, các ý kiến nhấn mạnh đến việc đa dạng các địa điểm thực hành thực tế cho sinh viên, không chỉ giới hạn ở các doanh nghiệp hay các ủy ban nhân dân xã, huyện, thị trấn....mà còn rất nhiều cơ sở thực tập khác phù hợp với sinh viên công tác xã hội như trường chuyên biệt, bệnh viện, trường học...

- “ Lý thuyết- Thực hành 30-70”
- “Tăng thời lượng thực hành, thực tế”
- “Đa dạng cơ sở thực hành, thực tế cho sinh viên”
- “Tăng cường thực hành, trải nghiệm thực tế nhiều hơn”

Ý kiến khác nữa là có thể giới thiệu việc làm cho sinh viên tại các cơ sở liên quan đến ngành học ở gần trường.

2.2.3 Đánh giá chuẩn đầu ra về kỹ năng của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra về kỹ năng của chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội cụ thể như sau:

IV. Chuẩn đầu ra về kỹ năng	
2	KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP
2.1	<i>Thể hiện</i> thái độ tư duy và học tập
2.2	<i>Thể hiện</i> tư duy hệ thống
2.3	<i>Hình thành</i> kỹ năng, phẩm chất cá nhân
2.4	<i>Hình thành</i> kỹ năng, phẩm chất nghề nghiệp
3	KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP
3.1	<i>Thể hiện</i> kỹ năng làm việc nhóm
3.2	<i>Thể hiện</i> kỹ năng giao tiếp
3.3	<i>Thể hiện</i> Giao tiếp bằng ngoại ngữ

Phân đánh giá chuẩn đầu ra về kỹ năng của CTĐT được chia thành 3 phần: (i) Đánh giá về mức độ cần thiết; (ii) Đánh giá về mức độ thành thạo hiện đạt được; (iii) Đánh giá về mức độ thành thạo nên đạt được. Đánh giá về mức độ cần thiết gồm 5 mức độ là không cần thiết, ít cần thiết, không biết, cần thiết và rất cần thiết. Đánh giá về mức độ thành thạo đạt được gồm 4 mức độ là có thể tham gia đóng góp, có thể hiểu giải thích, có kỹ năng thực hành thực hiện và có thể lãnh đạo hoặc đổi mới.

2.2.3.1 Đánh giá về mức độ cần thiết

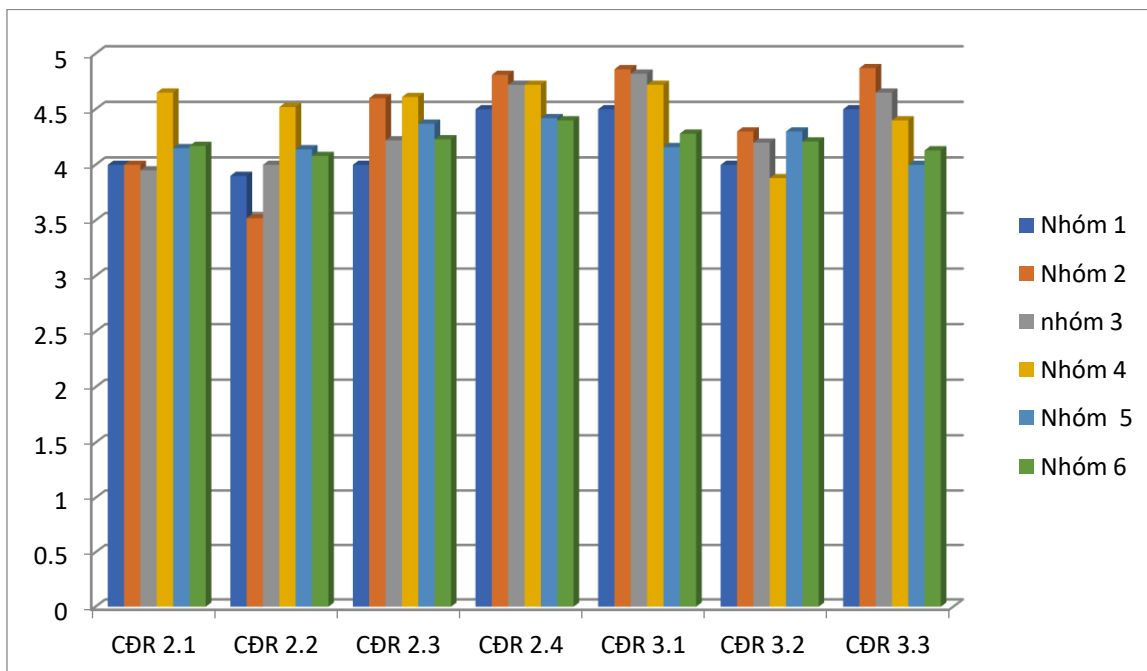
Bảng 8 và hình 8 cho biết số liệu và biểu đồ đánh giá mức độ cần thiết theo các nhóm đối tượng về kỹ năng trong CTĐT. Nhìn chung, kết quả cho thấy sự nhất trí cao về tính cần thiết của cả 4 nhóm chuẩn đầu ra trong CTĐT ngành Công tác xã hội trong cả 6 nhóm đối tượng khảo sát. Với thang điểm từ 1 đến 5 tương ứng với 5 mức độ cần thiết thì đánh giá của tất cả các chuẩn đầu ra và của các nhóm đánh giá nhỏ nhất là 3.5 và cao nhất là 5. Có thể nói kỹ năng, thái độ của sinh viên ngành Công tác xã hội rất được coi trọng và đánh giá ở mức độ cần thiết cao trong CTĐT.

Bảng 8. Số liệu đánh giá mức độ cần thiết theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-5)

	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
Nhóm 1	4.0	3.9	4.0	4.5	4.5	4.0	4.5
Nhóm 2	4,0	3.52	4.06	4.81	4.86	4.3	4.87
Nhóm 3	3.95	4.0	4.22	4.72	4.82	4.2	4.65
Nhóm 4	4.65	4.52	4.61	4.72	4.72	3.88	4.4
Nhóm 5	4.15	4.14	4.37	4.42	4.16	4.30	4.0
Nhóm 6	4.17	4.08	4.23	4.40	4.28	4.21	4.13

Nguồn: Số liệu tính toán từ kết quả khảo sát

Hình 8. Biểu đồ đánh giá mức độ cần thiết theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-5)



2.2.3.2 Đánh giá về mức độ thành thạo đạt được

Trong phần này đánh giá về mức độ thành thạo hiện đạt được và mức độ thành thạo nên đạt được về kiến thức cần có của sinh viên tốt nghiệp ngành Công tác xã hội thể hiện qua 4 nhóm chuẩn đầu ra. Có 4 mức độ đánh giá bao gồm: (i) có thể tham gia đóng góp; (ii) có thể hiểu giải thích; (iii) có kỹ năng thực hành thực hiện; và (iv) có thể lãnh đạo hoặc đổi mới.

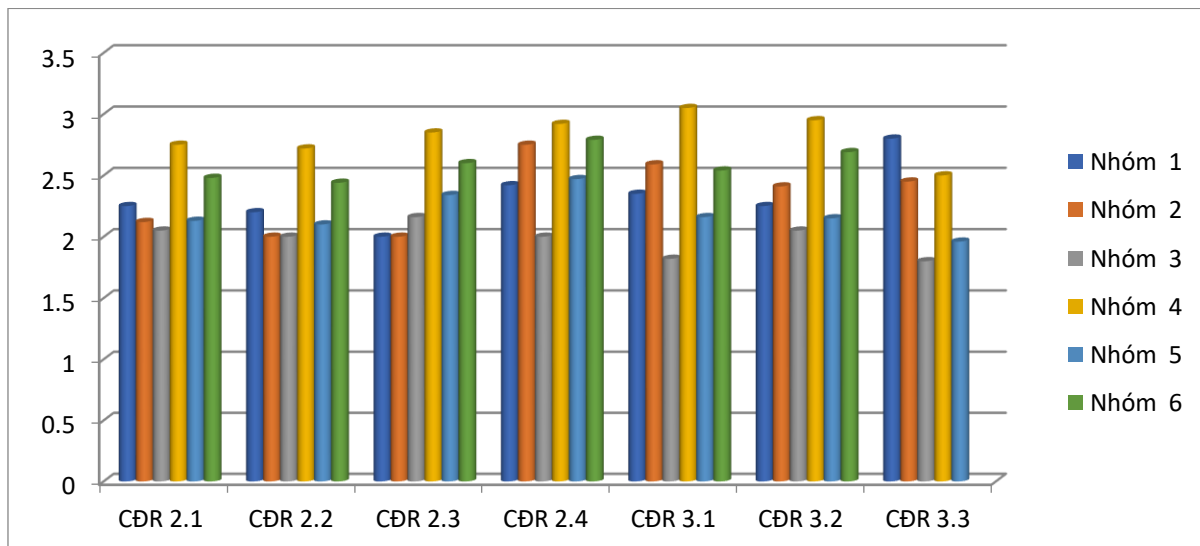
Kết quả về mức độ thành thạo hiện đạt được thể hiện ở bảng 9 và hình 9. Như đã phân tích trong phần trên 4 nhóm chuẩn đầu ra về kỹ năng và thái độ được đánh giá có tính cần thiết rất cao trong khi đó mức độ thành thạo về kỹ năng hiện đạt được được đánh giá ở mức độ khiêm tốn hơn. Nhóm đối tượng khảo sát là các trưởng phòng ban tổ chức nhân sự và nhóm giảng viên, nhà khoa học đánh giá có xu hướng khá cao trong khoảng từ 2.2 đến 3,05 tức là có kỹ năng thực hành thực hiện hoặc có thể lãnh đạo đổi mới. Tuy nhiên nhóm trưởng phòng ban chuyên môn trực tiếp sử dụng lao động thì đánh giá mới chỉ dừng lại ở 1.80 đến 2.16- mức độ có thể tham gia đóng góp hoặc có thể hiểu giải thích. Đối với các nhóm sinh viên, cựu sinh viên và sinh viên cũng mới chỉ đánh giá từ mức độ 3 đó là có thể kỹ năng thực hành trở xuống.

Bảng 9. Số liệu đánh giá mức độ thành thạo hiện đạt được theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-4)

	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 2.4	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
Nhóm 1	2.25	2.20	2.00	2.42	2.35	2.25	2.8
Nhóm 2	2.12	2.0	2.00	2.75	2.59	2.41	2.45
Nhóm 3	2.05	2.00	2.16	2.00	1.82	2.05	1.80
Nhóm 4	2.75	2.72	2.85	2.92	3.05	2.95	2.50
Nhóm 5	2.13	2.01	2.34	2.47	2.16	2.15	1.96
Nhóm 6	2.48	2.44	2.60	2.79	2.54	2.69	2.45

Nguồn: Số liệu tính toán từ kết quả khảo sát

Hình 9. Biểu đồ đánh giá mức độ nên đạt được theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-4)



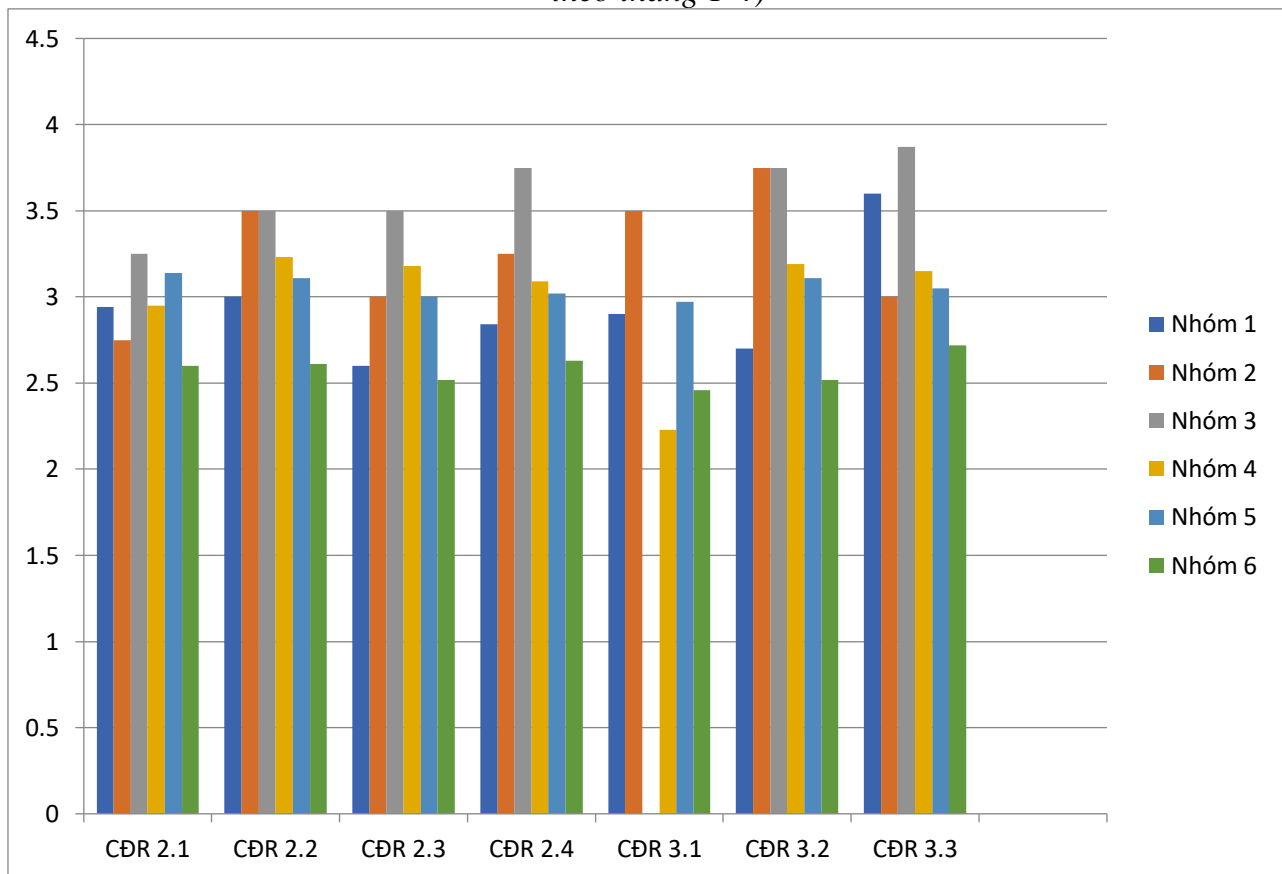
Bảng 10 và hình 10 biểu diễn kết quả về mức độ thành thạo nên đạt được. Chủ yếu những người được khảo sát nhất trí về việc sinh viên nên đạt được mức độ 3 là có thể thực hành, thực hiện. Cá biệt nhóm các trường phòng ban tổ chức nhân sự cho rằng nên tiệm cận đạt tới mức cuối cùng là có thể lãnh đạo đổi mới.

Bảng 10. Số liệu đánh giá mức độ thành thạo nên đạt được theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-4)

	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 2.4	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
Nhóm 1	2.94	3	2.6	2.84	2.9	2.7	3.6
Nhóm 2	2.75	3.5	3	3.25	3.5	3.75	3
Nhóm 3	3.25	3.5	3.5	3.75	3.5	3.75	3.87
Nhóm 4	2.95	3.23	3.18	3.09	3.23	3.19	3.15
Nhóm 5	3.14	3.11	3	3.02	2.97	3.11	3.05
Nhóm 6	2.6	2.61	2.52	2.63	2.46	2.52	2.72

Nguồn: Số liệu tính toán từ kết quả khảo sát

Hình 10. Biểu đồ đánh giá mức độ nên đạt được theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-4)



2.2.3.3 Đánh giá chung chuẩn đầu ra về kỹ năng

Thông qua bảng 11 và hình 11, ta có thể rút ra được đánh giá chung về chuẩn đầu ra về kỹ năng trong chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội. Kết quả được tính dựa vào giá trị trung bình của tất cả 6 nhóm được khảo sát cho mỗi chuẩn đầu ra về kỹ năng, thái độ. Có thể thấy rằng mức độ cần thiết của các chuẩn đầu ra được đánh giá ở mức độ cao với mức trung bình trên dưới mức 4 là mức cần thiết cho các CĐR. Trong tương quan so sánh giữa mức độ thành thạo hiện đạt được và nên đạt được thì mức độ hiện đạt được còn thấp hơn so với mức

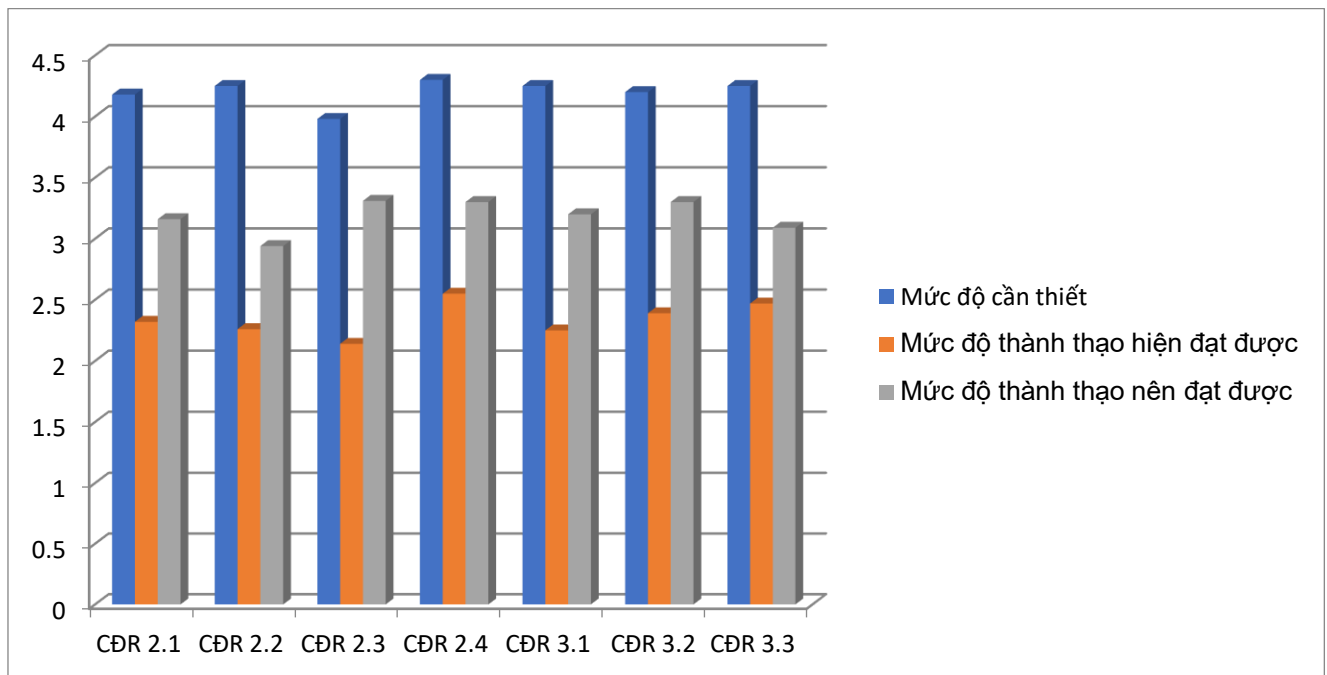
độ nên đạt được mặc dù sự khác biệt không quá lớn.

Bảng 11. Số liệu đánh giá chung chuẩn đầu ra về kỹ năng

	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 2.4	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
Mức độ cần thiết	4.18	4.25	3.98	4.30	4.25	4.20	4.25
Mức độ thành thạo hiện đạt được	2.32	2.26	2.14	2.55	2.25	2.39	2.47
Mức độ thành thạo nên đạt được	3.16	2.94	3.31	3.30	3.20	3.3	3.09

Nguồn: Số liệu tính toán từ kết quả khảo sát

Hình 11. Biểu đồ đánh giá chung chuẩn đầu ra về kỹ năng



2.2.3.4 Ý kiến góp ý khác cho chuẩn đầu ra về kỹ năng của chương trình đào tạo

Trong các ý kiến góp ý thêm thì tăng thêm thời gian thực hành để rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp được cho là rất cần thiết trong chương trình đào tạo.

“Tổ chức thuyết trình, đóng tình huống cho bài tập trên lớp”

“Hoạt động thực hành, tiếp cận với ngành nghề phải chiếm 70 % thời lượng đào tạo”

“Tăng thời lượng thực hành nghề nghiệp tại các trung tâm, cơ quan, tổ chức công tác xã hội”

“Tổ chức chia lớp thành các nhóm nhỏ (3-5 bạn), các nhóm hỗ trợ nhau học và rèn luyện kỹ năng”

“Dạy học làm việc nhóm kết hợp trải nghiệm thực hành thực tế với các đối tượng yếu thế”

“Rèn luyện thêm ngoại ngữ!”

2.2.4 Đánh giá về hình thức tổ chức, phương pháp dạy học nhằm đạt được chuẩn đầu ra

2.2.4.1 Đánh giá về mức độ cần thiết thay đổi hình thức tổ chức, phương pháp dạy học

Để đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra trong CTĐT ngành ở trên, những nội dung nào cần được quan tâm điều chỉnh cũng được khảo sát kỹ lưỡng. Có ba nội dung được khảo sát bao gồm (i) nội dung 1: Có thời lượng trải nghiệm môi trường làm việc ở các cơ quan, tổ chức lớn, doanh nghiệp nước ngoài; (ii) nội dung 2: Giảm tỷ lệ giảng dạy lí thuyết, tăng thời lượng trải nghiệm kiến thức, kỹ năng, thái độ. (iii) nội dung 3: Tăng thời lượng thực hành nghề nghiệp tại doanh nghiệp, cơ sở thực hành. Thang đo mức độ cần thiết cho 3 nội dung trên gồm không cần thiết, ít cần thiết, không biết, cần thiết và rất cần thiết.

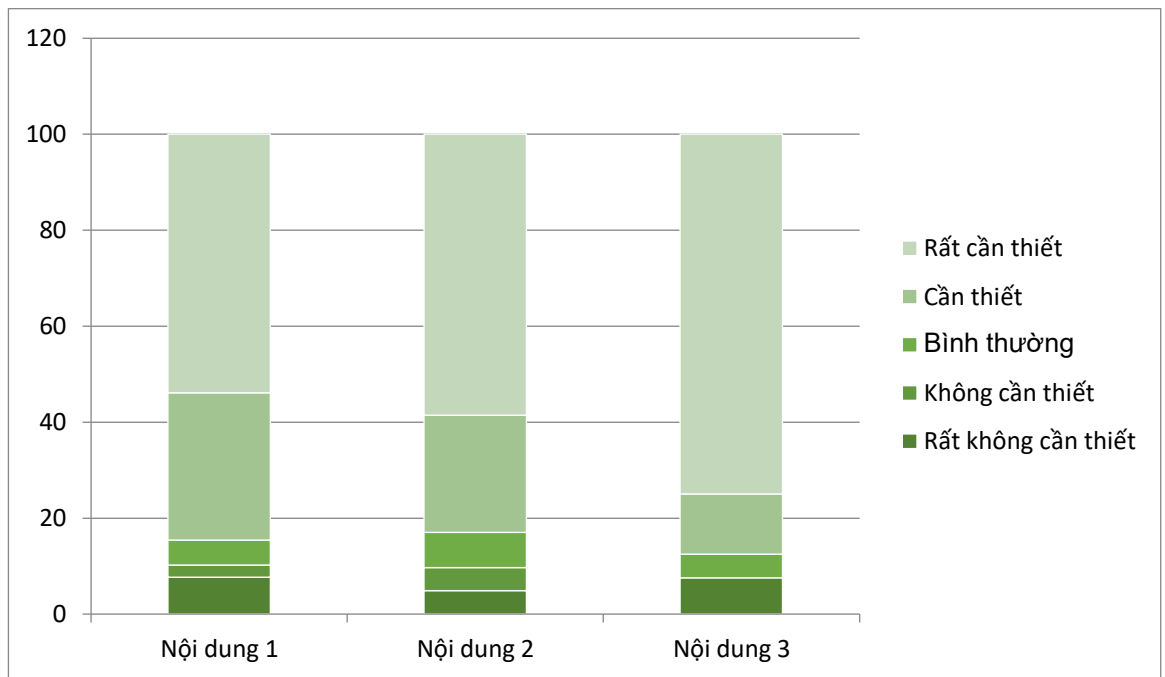
Bảng 12 và hình 12 thể hiện cụ thể các kết quả phân tích trên. Kết quả cho thấy cả 3 nội dung trên được đánh giá ở mức độ cần thiết rất cao. Đối với nội dung 1 có 53,85% cho rằng rất cần thiết và 30,769% cho rằng cần thiết. Đối với nội dung 2 có 58,54% cho rằng rất cần thiết và 24,39% cho rằng cần thiết. Đối với nội dung 3 có 12,5% cho rằng cần thiết và có đến 75 % cho rằng rất cần thiết. Có thể nói những người được khảo sát rất ủng hộ việc tăng thời lượng thực hành nghề nghiệp tại các cơ quan, tổ chức nghề nghiệp đồng thời giảm tỷ lệ giảng dạy lí thuyết, tăng thời lượng trải nghiệm kiến thức, kỹ năng, thái độ. Tuy nhiên cũng có ý kiến cho rằng việc giảm tỷ lệ giảng dạy lí thuyết, tăng thời lượng trải nghiệm kiến thức, kỹ năng, thái độ là rất không cần thiết.

Bảng 12. Số liệu đánh giá chung về mức độ cần thiết thay đổi hình thức tổ chức, phương pháp dạy học

Ý kiến	Nội dung 1		Nội dung 2		Nội dung 3	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Rất không cần thiết	3	7.692	2	4.878	3	7.5
Không cần thiết	1	2.5641	2	4.878	0	0
Bình thường	2	5.128	3	7.317	2	5
Cần thiết	12	30.769	10	24.39	5	12.5
Rất cần thiết	21	53.85	24	58.54	30	75.0
Tổng	39	100	41	100	40	100

Nguồn: Số liệu tính toán từ kết quả khảo sát

Hình 12. Biểu đồ đánh giá mức độ cần thiết thay đổi hình thức tổ chức, phương pháp dạy học



2.2.4.2 Ý kiến góp ý khác về hình thức tổ chức, phương pháp dạy học

Có nhiều góp ý liên quan đến những hình thức tổ chức, phương pháp dạy học phù hợp. Trong đó hình thức dạy học gắn liền với thực tế, trải nghiệm được cho là không thể thiếu trong giáo dục hiện đại. Bên cạnh đó, phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm, tăng mức độ tự học của sinh viên, sinh viên học chủ động cũng được đề cập đến.

“Kết hợp giữa truyền thống (truyền tải nội dung kiến thức bằng lời nói) và hiện đại (sử dụng công nghệ 4.0 để minh họa lời nói: ví dụ về hình ảnh, âm thanh, tư liệu, ...) để bài giảng sinh động thu hút, truyền tải đến sinh viên dễ tiếp thu hơn”

“Giảng viên giảng dạy lý thuyết, hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu, quá trình thi cử nghiêm túc, đánh giá khách quan, tăng cường hoạt động thực hành và liên kết đào tạo giữa nhà trường và đơn vị sử dụng lao động bằng giao ước có văn bản, quy chế”

“Phương pháp dạy học lý thuyết gắn với thực tiễn”

“Dạy học theo định hướng hình thành và phát triển năng lực người học, khả năng vận dụng một cách sáng tạo tri thức lý thuyết trong những tình huống thực tế khác nhau

“Phương pháp coi sinh viên là trung tâm”

“Cần cho thực hành nhiều hơn, thầy cô giảng thú vị hơn”

2.2.5 Mức độ có thể tham gia của nhóm 1 và nhóm 4 vào quá trình đào tạo

Bảng 13 và hình 13 thể hiện kết quả khảo sát về mức độ tham gia vào quá trình đào tạo của các lãnh đạo các đơn vị sử dụng lao động và các giảng viên, chuyên gia, nhà nghiên cứu. Các hoạt động tham gia được đánh giá bao gồm: (i) tham gia giảng dạy các học phần; (ii) tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học; (iii) tham gia hướng dẫn thực hành, thực tế, thực tập; và (iv) tham gia ngày hội tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp.

Dữ liệu cho thấy tỷ lệ có dự định tham gia không thường xuyên khá cao cho cả 4 hoạt động: Tham gia giảng dạy các học phần, tham gia hướng dẫn thực hành, thực tế, thực tập; tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và tham gia ngày hội tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp. Tuy nhiên, kỳ vọng về việc tham gia thường xuyên và rất thường xuyên của các lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động và các giảng viên, chuyên gia, nhà nghiên cứu thì lại không đạt được kết quả khảo sát cao. Cụ thể, đối với hoạt động nghiên cứu khoa học chỉ 5.27 % số người được khảo sát sẽ tham gia thường xuyên và 15.78% dự định tham gia rất thường xuyên.

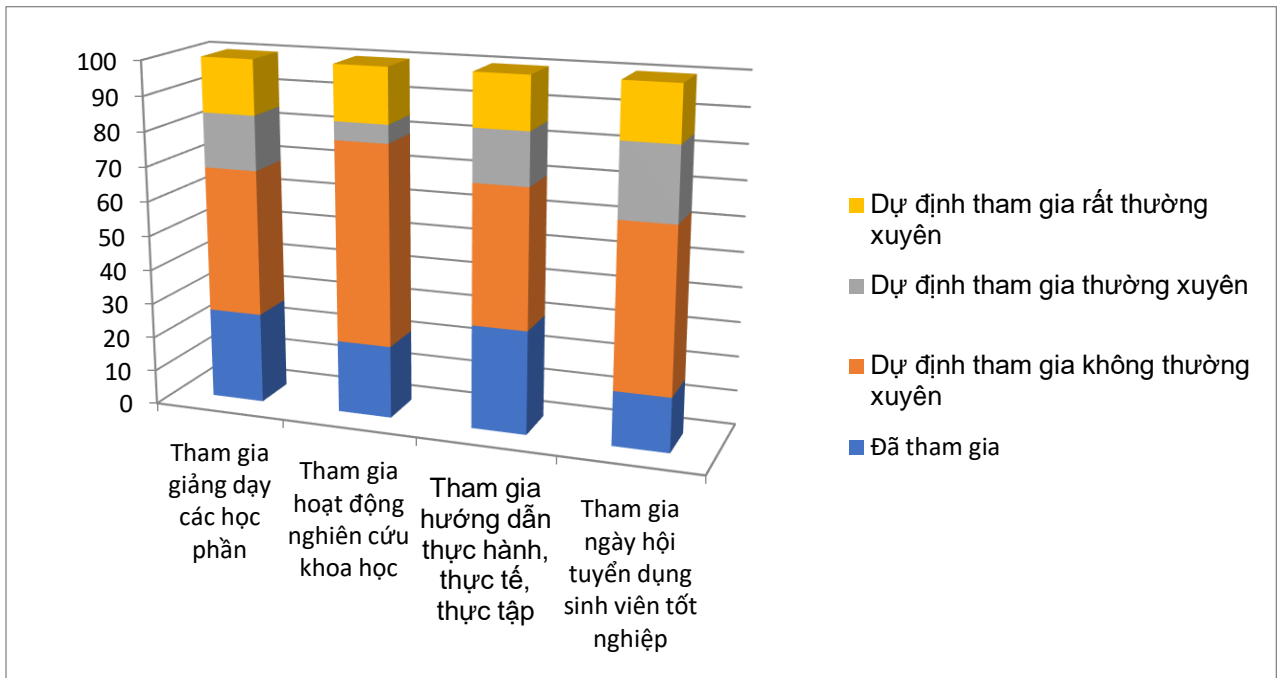
Trong thời gian tới cùng với định hướng tăng tỷ trọng kiến thức và kỹ năng thực tế của nhà trường trong chương trình đào tạo thì việc kết nối chặt chẽ với các chuyên gia và đơn vị sử dụng lao động, tăng mức độ tham gia của các thành phần này trong quá trình đào tạo đóng vai trò ngày càng quan trọng quyết định sự thành công của chương trình đào tạo ngành Việt Nam học .

Bảng 13. Số liệu về mức độ có thể tham gia của nhóm 1 và nhóm 4 vào quá trình đào tạo

Mức độ	Tham gia giảng dạy các học phần		Tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học		Tham gia hướng dẫn thực hành, thực tế, thực tập		Tham gia ngày hội tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Đã tham gia	5	26.32	4	21.06	6	30	3	15.79
Dự định tham gia không thường xuyên	8	42.12	11	57.89	8	40	9	47.37
Dự định tham gia thường xuyên	3	15.78	1	5.27	3	15	4	21.05
Dự định tham gia rất thường xuyên	3	15.78	3	15.78	3	15	3	15.79
Tổng	19	100	19	100	20	100	19	100

Nguồn: Số liệu tính toán từ kết quả khảo sát

Hình 13. Biểu đồ mức độ có thể tham gia của nhóm 1 và nhóm 4 vào quá trình đào tạo



3. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nghệ An, ngày tháng năm 2022

Trưởng khoa

PHỤ LỤC

(Các phiếu khảo sát đã thực hiện)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trường Đại học Vinh

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**PHIẾU KHẢO SÁT
MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NGHỀ NGHIỆP CỦA MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO
TẠO NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**

Kính gửi

Nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học đáp ứng tốt nhất nhu cầu xã hội, Trường Đại học Vinh trân trọng xin ý kiến Quý cá nhân, Cơ quan về mức độ đáp ứng yêu cầu của sinh viên sau khi tốt nghiệp Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Công tác xã hội thông qua Mục tiêu, Chuẩn đầu ra. Mọi ý kiến đóng góp của Quý anh/chị thực sự quý báu đối với công tác nâng cao chất lượng đào tạo của Trường. Chúng tôi cam kết các thông tin trong Phiếu khảo sát này chỉ để phục vụ vào mục đích nâng cao chất lượng đào tạo.

Xin Quý Thầy/Cô/Anh/Chị vui lòng cung cấp thông tin và cho ý kiến ở một số nội dung sau:

Thông tin chung về người cung cấp thông tin

1. Họ và tên người được hỏi:
2. Tên cơ quan/đơn vị:.....
3. Địa chỉ:.....
4. Vị trí công tác:
5. Đã tốt nghiệp trường:
6. Thâm niên công tác:

(Đối với sinh viên đang học, chỉ có 2 trường thông tin: Họ và tên; Khoá, ngành đang học)

Phần I. Đánh giá mức độ phù hợp của mục tiêu chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội

Quý Thầy/Cô/Anh/Chị đánh giá như thế nào về mức độ phù hợp của mục tiêu CTĐT ngành Công tác xã hội với yêu cầu của thế giới việc làm (xin đánh dấu vào mức độ lựa chọn).

Với mỗi yếu tố giới đây hãy đánh giá:

- ①: Rất không đồng ý;
- ②: Không đồng ý;
- ③: Không có ý kiến;

④: Đồng ý;

⑤: Rất đồng ý.

Mục tiêu của CTĐT	Nhận xét về mục tiêu của CTĐT	Mức độ đồng ý				
		1	2	3	4	5
<p>Mục tiêu tổng quát:</p> <p>Sinh viên tốt nghiệp ngành công tác xã hội có kiến thức; có kỹ năng can thiệp, giải quyết các vấn đề xã hội ở cấp độ cá nhân, nhóm, cộng đồng; có năng lực tư vấn, xây dựng các chính sách xã hội và có đầy đủ phẩm chất nghề nghiệp, đạo đức cá nhân, đạo đức xã hội để thực hành nghề nghiệp trong các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, chính trị, nghề nghiệp và tổ chức có yếu tố nước ngoài góp phần xây dựng Việt Nam giàu mạnh, công bằng, dân chủ, hội nhập và văn minh</p> <p>Các mục tiêu cụ thể:</p>	1. Mục tiêu của CTĐT được diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu.					
	2. Mục tiêu của CTĐT phản ánh được năng lực nghề nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp.					

Mục tiêu của CTĐT	Nhận xét về mục tiêu của CTĐT	Mức độ đồng ý				
		1	2	3	4	5
<p>Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công tác xã hội có khả năng:</p> <p><u>Mục tiêu 1:</u> Có kiến thức cơ bản về Khoa học Xã hội và Nhân văn, lý luận chính trị và pháp luật; tin học và ngoại ngữ; có kiến thức chuyên sâu về Công tác xã hội.</p> <p><u>Mục tiêu 2:</u> Có phẩm chất cá nhân, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp để thực hành công tác xã hội</p> <p><u>Mục tiêu 3:</u> Có khả năng giao tiếp và làm việc nhóm</p> <p><u>Mục tiêu 4:</u> Có khả năng hình thành ý tưởng, thực hiện và phát triển các hoạt động công tác xã hội trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.</p>	<p>3. Mục tiêu của CTĐT phản ánh được sự nghiệp tương lai của sinh viên sau khi tốt nghiệp.</p>					

Để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, theo quý Thầy/Cô, mục tiêu CTĐT ngành Công tác xã hội cần bổ sung thêm những nội dung nào? Xin vui lòng cho ý kiến góp ý!

.....

.....

.....

.....

Phần II. Đánh giá kiến thức, kỹ năng cần có của sinh viên tốt nghiệp ngành Công tác xã hội

Quý Thầy/Cô/Anh/Chị xin vui lòng đánh giá mức độ quan trọng, mức độ **NÊN** đạt được của kiến thức và các kỹ năng sau đây đối với sinh viên tốt nghiệp ngành Công tác xã hội

(Xin đánh dấu vào mức độ lựa chọn).

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

Quý Thầy/Cô/Anh/Chị vui lòng đánh giá mức độ cần thiết và mức độ năng lực của các yêu cầu cần đạt của mỗi chuẩn đầu ra về kiến thức đối với sinh viên tốt nghiệp ngành Công tác xã hội

Mức độ cần thiết	Mức độ năng lực sinh viên cần đạt được
① Không cần thiết	(a) Hiểu
② Ít cần thiết	(b) Áp dụng
③ Không biết	(c) Phân tích
④ Cần thiết	(d) Đánh giá
⑤ Rất cần thiết	(e) Sáng tạo

Chuẩn đầu ra CTĐT và các yêu cầu cần đạt của mỗi chuẩn đầu ra	Mức độ cần thiết	Mức độ năng lực sinh viên cần đạt được
CĐR 1.1: Kiến thức cơ bản về chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, nhà nước và pháp luật		
1.1.1. <i>Hiểu</i> kiến thức triết học Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
1.1.2. <i>Hiểu</i> kiến thức tâm lí học, xã hội học, lịch sử - văn hóa	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
1.1.3. <i>Hiểu</i> kiến thức nhà nước và pháp luật	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
CĐR 1.2: Kiến thức tin học, ngoại ngữ		
1.2.1. <i>Sử dụng</i> tin học.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
1.2.2. <i>Sử dụng</i> ngoại ngữ.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
CĐR 1.3: Kiến thức căn bản về khoa học công tác xã hội		
1.3.1. <i>Hiểu</i> về lịch sử phát triển công tác xã hội	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
1.3.2. <i>Hiểu</i> về lý thuyết nghiên cứu công tác xã hội	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
1.3.3. <i>Áp dụng</i> kiến thức hành vi con người và môi trường xã hội	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
CĐR 1.4: Kiến thức chuyên ngành	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
1.4.1. <i>Vận dụng</i> kiến thức công tác xã hội cá nhân	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
1.4.2. <i>Vận dụng</i> kiến thức công tác xã hội nhóm	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
1.4.3. <i>Vận dụng</i> kiến thức phát triển cộng đồng	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
1.4.4. <i>Vận dụng</i> kiến thức quản trị công tác xã hội	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)

1.4.5 Thực hành tham vấn	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
--------------------------	-----------	---------------------

Để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, theo theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, CTĐT ngành Công tác xã hội cần bổ sung thêm những chuẩn kiến thức nào? Xin vui lòng cho ý kiến góp ý!

.....

.....

.....

.....

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng, thái độ

Quý Thầy/Cô/Anh/Chị vui lòng đánh giá mức độ cần thiết và mức độ thành thạo của các yêu cầu cần đạt của mỗi chuẩn đầu ra về kỹ năng và thái độ đối với sinh viên tốt nghiệp ngành Công tác xã hội

Mức độ cần thiết	Mức độ thành thạo sinh viên cần đạt được
① Không cần thiết	(a) Có thể tham gia, đóng góp
② Ít cần thiết	(b) Có thể hiểu, giải thích
③ Không biết	(c) Có kỹ năng thực hành, thực hiện
④ Cần thiết	(d) Có thể lãnh đạo hoặc đổi mới
⑤ Rất cần thiết	

TT	Chuẩn đầu ra	Mức độ cần thiết	Mức độ cần đạt được
2	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp		
	CDR 2.1: Thái độ tư duy và học tập	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	2.1.1. <i>Thể hiện</i> tinh thần dũng cảm, dấn thân	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	2.1.2. <i>Thể hiện</i> tư duy phản biện	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	2.1.3. <i>Thể hiện</i> tư duy sáng tạo	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	2.1.4. <i>Có khả năng</i> thích ứng với sự thay đổi	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	2.1.5. <i>Có khả năng</i> tự học và rèn luyện suốt đời	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	2.1.6. <i>Có khả năng</i> quản lý thời gian và nguồn lực	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤

	CDR 2.2 Tư duy hệ thống	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	2.2.1. <i>Phác thảo vấn đề tổng thể</i>	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	2.2.2. <i>Phát hiện sự tương tác giữa các thành tố trong hệ thống</i>	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	2.2.3. <i>Xác định và chọn lọc các yếu tố trọng tâm</i>	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	2.2.4. <i>Phân tích ưu, nhược điểm và đề xuất giải pháp</i>	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	CDR 2.3 Kỹ năng, phẩm chất cá nhân	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	2.3.1. <i>Thể hiện tư duy sáng tạo</i>	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	2.3.2. <i>Thể hiện sự kiên trì, linh hoạt và sẵn sàng chấp nhận rủi ro</i>	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	2.3.3. <i>Có khả năng thích ứng với thực tế.</i>	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	2.3.4. <i>Có khả năng học tập và rèn luyện suốt đời.</i>	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	CDR 2.4 Kỹ năng phẩm chất nghề nghiệp	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	2.4.1. <i>Thể hiện đạo đức nghề nghiệp</i>	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	2.4.2. <i>Thể hiện hành xử chuyên nghiệp</i>	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	2.4.3. <i>Thể hiện lòng yêu nghề</i>	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	2.4.4. <i>Thể hiện công bằng và trách nhiệm xã hội</i>	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤

Để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, CTĐT ngành Công tác xã hội cần bổ sung thêm những chuẩn nào về kỹ năng, phẩm chất cá nhân? Xin vui lòng cho ý kiến góp ý!

.....

.....

.....

.....

3	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp			
	CDR 3.1: Kỹ năng làm việc nhóm	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤	
	3.1.1. Thành lập nhóm	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤	
	3.1.2. Tổ chức hoạt động nhóm	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤	
	3.1.3. Thúc đẩy phát triển nhóm	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤	
	3.1.4. Thể hiện khả năng lãnh đạo nhóm	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤	
	3.1.5. Thực hiện làm việc trong các nhóm đa ngành	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤	
	CDR 3.2: Giao tiếp	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤	
	3.2.1. Xây dựng chiến lược, yêu cầu giao tiếp	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤	
	3.2.2. Áp dụng giao tiếp trực tiếp với các cá nhân	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤	
	3.2.3. Thực hiện giao tiếp bằng văn bản	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤	
	3.2.4. Áp dụng giao tiếp điện tử/đa truyền thông	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤	
	3.2.5. Có khả năng thuyết trình	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤	
	3.2.6. Có khả năng đàm phán, tư vấn	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤	
	CDR 3.3: Giao tiếp bằng ngoại ngữ	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤	
	3.3.1. Sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp thông dụng			
	3.3.2. Sử dụng tiếng Anh chuyên ngành công tác xã hội	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤	

Để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, CDR CTĐT ngành Công tác xã hội cần bổ sung thêm những chuẩn nào cho kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp? Xin vui lòng cho ý kiến góp ý!

.....

.....

.....
.....
.....

4	Năng lực thực hành nghề nghiệp		
	CDR 4.1: Hiểu bối cảnh môi trường và xã hội	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	4.1.1. <i>Xác định</i> vai trò, trách nhiệm của người làm nghề công tác xã hội	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	4.1.2. <i>Hiểu</i> các vấn đề xã hội	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	4.1.3. <i>Nhận diện</i> các nhân tố khách quan và chủ quan tác động đến hoạt động công tác xã hội	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	4.1.4. <i>Nhận thức</i> xu thế phát triển của công tác xã hội trong nước và quốc tế	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	CDR 4.2: Hiểu bối cảnh nghề nghiệp và tổ chức	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	4.2.1. <i>Nhận diện</i> tình hình hoạt động của các cơ quan/tổ chức công tác xã hội	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	4.2.2. <i>Nhận thức</i> pháp luật Nhà nước và qui định của các cơ quan/tổ chức công tác xã hội	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	4.2.3. <i>Phân tích</i> mục tiêu, định hướng phát triển của các cơ quan/tổ chức công tác xã hội	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	CDR 4.3: Hình thành ý tưởng hoạt động công tác xã hội	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	4.3.1. <i>Nhận diện</i> nhu cầu thị trường	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	4.3.2. <i>Xác định</i> yêu cầu và mục	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤

	tiêu		
	4.3.3. <i>Phác thảo ý tưởng thực hiện</i>	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	4.3.4. <i>Phân tích tính khả thi</i>	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	CDR 4.4: Thiết kế hoạt động trợ giúp	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	4.4.1. <i>Thu thập thông tin</i>	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	4.4.2. <i>Điều tra, khảo sát thực tế</i>	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	4.4.3. <i>Xác định khả năng nguồn lực</i>	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	4.4.4. <i>Lập kế hoạch và lựa chọn phương án.</i>	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	CDR 4.5: Thực hiện hoạt động trợ giúp	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	4.5.1. <i>Triển khai hoạt động</i>	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	4.5.2. <i>Điều hành việc thực hiện</i>	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	4.5.3. <i>Quản lý việc thực hiện</i>	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	CDR 4.6: Lượng giá hoạt động trợ giúp	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	4.6.1. <i>Thiết kế và xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện</i>	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	4.6.2. <i>Đánh giá kết quả thực hiện</i>	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
	4.6.3. <i>Phát triển các phương án thực hiện</i>	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
<p>Để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, CDR CTĐT ngành Công tác xã hội cần bổ sung thêm những năng lực thực hành nào? Xin vui lòng cho ý kiến góp ý!</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>			

Phần III. Xin ý kiến về các hình thức tổ chức, phương pháp dạy học nhằm đạt được chuẩn đầu ra CTĐT ngành Công tác xã hội

1. Để đạt được Mục tiêu và Chuẩn đầu ra ở trên, theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, những hình thức tổ chức, phương pháp dạy học nào sẽ phù hợp?

.....

.....

.....

2. Để đạt được các Mục tiêu và Chuẩn đầu ra ở trên, theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, CTĐT ngành cần quan tâm điều chỉnh những nội dung nào?

Mức độ cần thiết

①: Rất không cần thiết; ②: Không cần thiết; ③: Bình thường; ④: Cần thiết; ⑤: Rất cần thiết.

Nội dung	Mức độ cần thiết
Tăng thời lượng thực hành nghề nghiệp tại doanh nghiệp, cơ sở thực hành	① ② ③ ④ ⑤
Có thời lượng trải nghiệm môi trường làm việc ở các cơ quan, tổ chức lớn, doanh nghiệp nước ngoài	① ② ③ ④ ⑤
Giảm tỷ lệ giảng dạy lí thuyết, tăng thời lượng trải nghiệm kiến thức, kỹ năng, thái độ	① ② ③ ④ ⑤
Ý kiến khác:	① ② ③ ④ ⑤
.....	

Phần IV. Mức độ tham gia, sẽ tham gia của quý vị/quý cơ quan vào quá trình đào tạo ngành Công tác xã hội

Để nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu xã hội, sinh viên cần được trải nghiệm quá trình đào tạo tại các đơn vị tuyển dụng, cơ quan, doanh nghiệp...Xin quý vị cho biết về sự sẵn sàng tham gia của quý vị/quý đơn vị vào quá trình đào tạo sinh viên ngành Công tác xã hội

Các hoạt động tham gia	Đã tham gia	Dự định sẽ tham gia		
		Không thường xuyên	Thường xuyên	Rất thường xuyên
Tham gia giảng dạy các học phần				
Tham gia hướng dẫn thực hành, thực tế, thực tập				
Tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học				
Tham gia ngày hội tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp				

Khác:				
-------------	--	--	--	--

Xin trân trọng cảm ơn!

PHIẾU KHẢO SÁT

MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI YÊU CẦU CỦA NHÀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học đáp ứng tốt nhất nhu cầu xã hội, Trường Đại học Vinh trân trọng xin ý kiến Quý Cơ quan về mức độ đáp ứng yêu cầu của sinh viên sau khi tốt nghiệp Chương trình đào tạo (CTĐT) Ngành Công tác xã hội thông qua Mục tiêu, Chuẩn đầu ra. Mọi ý kiến đóng góp của Quý anh/chị là thông tin quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo của Trường. Chúng tôi cam kết các thông tin trong Phiếu khảo sát này chỉ để phục vụ vào mục đích nâng cao chất lượng đào tạo.

Xin Quý Anh/Chị vui lòng cung cấp thông tin và cho ý kiến ở một số nội dung sau:

- 1. Cơ quan công tác:.....
- 2. Địa chỉ:.....
- 3. Vị trí công tác:

Với mỗi yếu tố dưới đây hãy đánh giá các mức độ: 1) Chưa đáp ứng; 2) Đáp ứng mức độ thấp; 3) Đáp ứng mức độ trung bình; 4) Đáp ứng đủ; 5) Đáp ứng mức độ cao.

1) Xin ý kiến về Mục tiêu Chương trình đào tạo

TT	Mục tiêu	Mức độ đáp ứng	Đề xuất
	Mục tiêu chung: Sinh viên tốt nghiệp ngành công tác xã hội có kiến thức về các vấn đề xã hội; có kỹ năng can thiệp, giải quyết các vấn đề xã hội ở cấp độ cá nhân, nhóm, cộng đồng; có năng lực tư vấn, xây dựng các chính sách xã hội và có đầy đủ phẩm chất nghề nghiệp, đạo đức cá nhân, đạo đức xã hội để thực hành nghề nghiệp trong các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, chính trị, nghề nghiệp và tổ chức có yếu tố nước ngoài góp phần xây dựng Việt Nam giàu mạnh, công bằng, dân chủ, hội nhập và văn minh	1 2 3 4 5	
	Mục tiêu cụ thể		
	PO1: Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, lý luận chính trị và pháp luật; tin học và ngoại ngữ, có kiến thức chuyên sâu về công tác xã hội	1 2 3 4 5	
	PO2: Có phẩm chất cá nhân, kĩ năng và đạo đức nghề	1 2 3 4 5	

	ng nghiệp để tác nghiệp trong thực hành công tác xã hội		
	PO3: Có khả năng giao tiếp và làm việc nhóm	1	2 3 4 5
	PO4: Có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển các hoạt động công tác xã hội trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế	1	2 3 4 5

2) Xin ý kiến về Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Chuẩn đầu ra ¹	Mức độ đáp ứng	Đề xuất
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH		
1.1.	Kiến thức cơ bản về chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, nhà nước và pháp luật		
1.1.1	Hiểu kiến thức triết học Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh	1 2 3 4 5	
1.1.2	Hiểu kiến thức tâm lí học, xã hội học, lịch sử - văn hóa	1 2 3 4 5	
1.1.3	Hiểu kiến thức nhà nước và pháp luật	1 2 3 4 5	
1.2.	Kiến thức tin học, ngoại ngữ		
1.2.1	Sử dụng tin học.	1 2 3 4 5	
1.2.2	Sử dụng ngoại ngữ.	1 2 3 4 5	
1.3.	Kiến thức căn bản về khoa học công tác xã hội		
1.3.1	Hiểu về lịch sử phát triển công tác xã hội	1 2 3 4 5	
1.3.2	Hiểu về lý thuyết nghiên cứu công tác xã hội	1 2 3 4 5	
1.3.3	Áp dụng kiến thức hành vi con người và môi trường xã hội	1 2 3 4 5	
1.4	Kiến thức chuyên ngành		
1.4.1	Vận dụng kiến thức công tác xã hội cá nhân	1 2 3 4 5	
1.4.2	Vận dụng kiến thức công tác xã hội nhóm	1 2 3 4 5	
1.4.3	Vận dụng kiến thức phát triển cộng đồng	1 2 3 4 5	
1.4.4	Vận dụng kiến thức quản trị công tác xã hội	1 2 3 4 5	
1.4.5	Thực hành tham vấn	1 2 3 4 5	

2	KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP				
2.1.	Thái độ tư duy và học tập				
2.1.1	<i>Thể hiện tinh thần dũng cảm, dấn thân</i>	1	2	3	4 5
2.1.2	<i>Thể hiện tư duy phản biện</i>	1	2	3	4 5
2.1.3	<i>Thể hiện tư duy sáng tạo</i>	1	2	3	4 5
2.1.4	<i>Có khả năng thích ứng với sự thay đổi</i>	1	2	3	4 5
2.1.5	<i>Có khả năng tự học và rèn luyện suốt đời</i>	1	2	3	4 5
2.1.6	<i>Có khả năng quản lý thời gian và nguồn lực</i>	1	2	3	4 5
2.2.	Tư duy hệ thống				
2.2.1	<i>Phác thảo vấn đề tổng thể</i>	1	2	3	4 5
2.2.2	<i>Phát hiện sự tương tác giữa các thành tố trong hệ thống</i>	1	2	3	4 5
2.2.3	<i>Xác định và chọn lọc các yếu tố trọng tâm</i>	1	2	3	4 5
2.2.4	<i>Phân tích ưu, nhược điểm và đề xuất giải pháp</i>	1	2	3	4 5
2.3	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân				
2.3.1	<i>Thể hiện tư duy sáng tạo</i>	1	2	3	4 5
2.3.2	<i>Thể hiện sự kiên trì, linh hoạt và sẵn sàng chấp nhận rủi ro</i>	1	2	3	4 5
2.3.3	<i>Có khả năng thích ứng với thực tế.</i>	1	2	3	4 5
2.3.4	<i>Có khả năng học tập và rèn luyện suốt đời.</i>	1	2	3	4 5
2.4	Kỹ năng, phẩm chất nghề nghiệp				
2.4.1	<i>Thể hiện đạo đức nghề nghiệp</i>	1	2	3	4 5
2.4.2	<i>Thể hiện hành xử chuyên nghiệp</i>	1	2	3	4 5
2.4.3	<i>Thể hiện lòng yêu nghề</i>	1	2	3	4 5
2.4.4	<i>Thể hiện công bằng và trách nhiệm xã hội</i>	1	2	3	4 5
3.	KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP				
3.1	Làm việc theo nhóm				
3.1.1	<i>Thành lập nhóm</i>	1	2	3	4 5
3.1.2	<i>Tổ chức hoạt động nhóm</i>	1	2	3	4 5
3.1.3	<i>Thúc đẩy phát triển nhóm</i>	1	2	3	4 5
3.1.4	<i>Thể hiện khả năng lãnh đạo nhóm</i>	1	2	3	4 5
3.1.5	<i>Thực hiện làm việc trong các nhóm đa ngành</i>	1	2	3	4 5

3.2	Giao tiếp					
3.2.1	<i>Xây dựng</i> chiến lược, yêu cầu giao tiếp	1	2	3	4	5
3.2.2	<i>Áp dụng</i> giao tiếp trực tiếp với các cá nhân	1	2	3	4	5
3.2.3	<i>Thực hiện</i> giao tiếp bằng văn bản	1	2	3	4	5
3.2.4	<i>Áp dụng</i> giao tiếp điện tử/đa truyền thông	1	2	3	4	5
3.2.5	<i>Có khả năng</i> thuyết trình	1	2	3	4	5
3.2.6	<i>Có khả năng</i> đàm phán, tư vấn	1	2	3	4	5
3.3	Giao tiếp bằng ngoại ngữ					
3.2.1	Sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp thông dụng	1	2	3	4	5
3.2.2	Sử dụng tiếng Anh chuyên ngành du lịch	1	2	3	4	5
3.3	Giao tiếp bằng ngoại ngữ					
3.3.1	Sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp thông dụng	1	2	3	4	5
3.3.2	Sử dụng tiếng Anh chuyên ngành công tác xã hội	1	2	3	4	5
4	NĂNG LỰC NHẬN DIỆN, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI					
4.1	Hiểu bối cảnh môi trường và xã hội					
4.1.1	<i>Xác định</i> vai trò, trách nhiệm của người làm nghề công tác xã hội	1	2	3	4	5
4.1.2	<i>Hiểu</i> các vấn đề xã hội	1	2	3	4	5
4.1.3	<i>Nhận diện</i> các nhân tố khách quan và chủ quan tác động đến hoạt động công tác xã hội	1	2	3	4	5
4.1.4	<i>Nhận thức</i> xu thế phát triển của công tác xã hội trong nước và quốc tế	1	2	3	4	5
4.2	Hiểu bối cảnh nghề nghiệp và tổ chức					
4.2.1	<i>Nhận diện</i> tình hình hoạt động của các cơ quan/tổ chức công tác xã hội	1	2	3	4	5
4.2.2	<i>Nhận thức</i> pháp luật Nhà nước và qui định của các cơ quan/tổ chức công tác xã hội	1	2	3	4	5
4.2.3	<i>Phân tích</i> mục tiêu, định hướng phát triển của các cơ quan/tổ chức công tác xã hội	1	2	3	4	5
4.3	Hình thành ý tưởng hoạt động công tác xã hội					
4.3.1	<i>Nhận diện</i> nhu cầu thị trường	1	2	3	4	5

4.3.2	Xác định yêu cầu và mục tiêu	1	2	3	4	5	
4.3.3	Phác thảo ý tưởng thực hiện	1	2	3	4	5	
4.3.4	Phân tích tính khả thi	1	2	3	4	5	
4.4	Thiết kế hoạt động trợ giúp						
4.4.1	Thu thập thông tin	1	2	3	4	5	
4.4.2	Điều tra, khảo sát thực tế	1	2	3	4	5	
4.4.3	Xác định khả năng nguồn lực	1	2	3	4	5	
4.4.4	Lập kế hoạch và lựa chọn phương án.	1	2	3	4	5	
4.5	Thực hiện hoạt động trợ giúp						
4.5.1	Triển khai hoạt động	1	2	3	4	5	
4.5.2	Điều hành việc thực hiện	1	2	3	4	5	
4.5.3	Quản lý việc thực hiện	1	2	3	4	5	
4.6	Lượng giá hoạt động trợ giúp						
4.6.1	Thiết kế và xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện	1	2	3	4	5	
4.6.2	Đánh giá kết quả thực hiện	1	2	3	4	5	
4.6.3	Phát triển các phương án thực hiện	1	2	3	4	5	

3) Mức độ tham gia của quý cơ quan vào quá trình phát triển và triển khai chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội

Các hoạt động tham gia	<i>0: Chưa tham gia bao giờ; 1: ít khi tham gia; 3: mức độ trung bình; 4: thường xuyên; 5: rất thường xuyên</i>					
Xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra	0	1	2	3	4	5
Xây dựng khung chương trình đào tạo	0	1	2	3	4	5
Xây dựng đề cương chi tiết môn học	0	1	2	3	4	5
Giảng dạy các học phần	0	1	2	3	4	5
Hướng dẫn thực hành, kiến tập, thực tập	0	1	2	3	4	5
Góp ý điều chỉnh chương trình đào tạo	0	1	2	3	4	5

4. Theo Anh/Chị, khi đối sánh với Chuẩn đầu ra CTĐT Công tác xã hội với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Tiêu chuẩn/tiêu chí	<i>1) Chưa đáp ứng; 2) Đáp ứng mức độ thấp; 3) Đáp ứng mức độ trung bình; 4) Đáp ứng đủ; 5)</i>
----------------------------	---

	Đáp ứng mức độ cao.				
A. Kiến thức					
A.1- Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong lĩnh vực đào tạo	1	2	3	4	5
A.2- Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật	1	2	3	4	5
A.3- Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc	1	2	3	4	5
A.4- Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể	1	2	3	4	5
A.5- Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn	1	2	3	4	5
B. Kỹ năng					
B.1- Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp	1	2	3	4	5
B.2- Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác	1	2	3	4	5
B.3- Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi	1	2	3	4	5
B.4- Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm	1	2	3	4	5
B.5- Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp	1	2	3	4	5
B.6- Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam	1	2	3	4	5
C. Mức tự chủ và trách nhiệm					
C.1- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	1	2	3	4	5

C.2- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định	1	2	3	4	5
C.3- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân	1	2	3	4	5
C.4- Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động	1	2	3	4	5

5. Để sinh viên tốt nghiệp có năng lực nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội, theo anh/chị, chuẩn đầu ra ngành Công tác xã hội cần bổ sung thêm những kiến thức, kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai thực hiện và phát triển các hoạt động công tác xã hội nào?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Xin chân thành cảm ơn!

